

**NHÂN DỊP ĐẢNG CONG SẢN VIỆT NAM KÊU GỌI SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP
NGƯỜI VIỆT HAI NGOẠI NGHĨ GI VỀ ĐIỀU 91 KHOẢN 3 BAN HIẾN PHÁP 1992
VA ĐIỀU 88 BỘ LUẬT HÌNH SỰ 1999 ?**

Nghị quyết 38/2912/QH 13 của đảng CS Việt Nam kêu gọi lấy ý kiến của dân về dự thảo sửa đổi bản Hiến Pháp ban hành năm 1992. Thời hạn ấn định cho việc gửi ý kiến tới Quốc Hội được tính kể từ ngày 2/1/2013 cho đến hết ngày 31/3/2013.

Đáp ứng nghị quyết trên, một bản kiến nghị sửa đổi HP được phổ biến trên mạng Bauxite Việt Nam với hơn 850 chữ ký của trí thức trong và ngoài nước tính đến ngày thứ Năm 24/01/2013.

Nội dung bản kiến nghị đã minh bạch cất lên tiếng nói của các trí thức là không chấp nhận những cuộc đàn áp phi lý khi quyền con người bị đảng CS chèn ép, coi thường trên cả nước từ hơn ½ thế kỷ qua. Bản kiến nghị đòi hỏi 3 điểm chính sau đây:

- . Đa đảng
- . Nhân quyền
- . Sở hữu đất đai

Như vậy, trí thức trong nước đã lên tiếng. Họ chỉ còn chờ xem Hà Nội có ý muốn sửa đổi Hiến Pháp thực sự không? Nhân dân Việt Nam cần đa đảng, cần tôn trọng quyền con người, cần sở hữu đất đai để loại bỏ tình trạng cán bộ nhà nước cướp đất của dân. Đó là những vấn đề khẩn cấp cần thay đổi để toàn dân đoàn kết một lòng, đối phó với hiểm họa mất đất, mất biên và **mất nước**.

Ngoài bản kiến nghị nói trên, còn một số ý kiến cá nhân đòi hỏi hủy bỏ điều 4 bản Hiến Pháp 1992 và điều 88 bộ luật hình sự năm 1999. Ở trong nước, đó là ý kiến của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang và Luật sư Trần Lâm.

Ở hải ngoại, ông Tổng Thư Ký Hiệp Hội Quốc Tế Nhân Quyền Vũ Quốc Dũng, nhân dịp trả lời cuộc phỏng vấn của đài RFI ngày 16/01/2013, cũng nêu lên ý kiến là cần phải hủy bỏ điều 88 bộ luật hình sự vì điều 88 bóp nghẹt tự do ngôn luận và gây nguy hiểm cho trí thức:

- . Các từ ngữ của điều luật mơ hồ, không được sách luật nào của Việt Nam giải thích;
- . Ngay cả các luật sư từng tốt nghiệp tại Mỹ như Luật sư Lê Công Định, tại Pháp như Cù Huy Hà Vũ cũng bị bắt và bị cáo buộc vi phạm điều 88;
- . Các Luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân, Lê Trần Luật tốt nghiệp ở Việt Nam cũng bị bắt vì không hiểu nổi điều 88.
- . Điều 88 cố ý gây sự sợ hãi thường trực, bóp nghẹt quyền tự do ngôn luận trên mọi lãnh vực như báo chí, thông tin, truyền thanh, nghiên cứu, giảng dạy ở Đại Học chứ không riêng gì trong lãnh vực chính trị, xã hội.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ không bàn đến việc hủy bỏ điều 4 bản Hiến Pháp vì Hà Nội đã tuyên bố rõ ràng rằng họ không chịu từ bỏ điều 4, mặc dầu đại đa số người viết đều yêu cầu hủy bỏ điều luật này. Vì vậy, bài viết chỉ tập trung vào việc nhận xét:

- (1) Điều **91 khoản 3** của bản Hiến Pháp **1992** (được lập lại tại điều **79 khoản 2** bản Dự thảo Hiến Pháp) minh thị *truất quyền giải thích luật* của các tòa án, khiến cho các tòa án ở Việt Nam hiện nay đều *thiếu căn bản pháp lý* để giải quyết hợp pháp các vụ tranh tụng, kể từ ngày bản Hiến Pháp **1992** được ban hành cho đến khi điều 91 khoản 3 được hủy bỏ thì khi đó những hệ lụy do các tòa án Việt Nam gây ra cho các vụ án mới được giải trừ.
- (2) Điều 88 bộ luật hình sự đã được Viện Kiểm sát, Tòa án Nhân dân Hà Nội và Tòa Phúc Thẩm Hà Nội giải thích như thế nào trong vụ xử hai Luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân, bị cáo về tội **‘Chống nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam’?**
- (3) Trong phần kết luận, người viết sẽ bàn tới những điều kiện cần thiết phải hội đủ để phán quyết của các tòa án tại Việt Nam có thể mang lại một chút tin tưởng nào đó cho nền công lý XHCN, đồng thời kêu gọi luật sư và thân nhân các bị cáo đã và đang chịu án tù do *những bản án của tòa án không có căn bản pháp lý xét xử* hoặc *xét xử sai lầm* phải cất lên tiếng nói mạnh mẽ đòi bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự cho thân nhân hay thân chủ của mình theo qui định của điều 72 khoản 2 bản Hiến Pháp (**Điều 72.2 HP**: *Những người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được đòi bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố và xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử trị nghiêm minh*)

I. VIỆC TRUẬT QUYỀN GIẢI THÍCH LUẬT CỦA CÁC TÒA ÁN THEO ĐIỀU 91 KHOẢN 3 BẢN HIẾN PHÁP CƠ THỂ MANG LẠI NHỮNG HẸ LUY GI CHO CÁC TÒA ÁN VIỆT NAM

Nhân đọc bản Hiến Pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành năm 1992, sửa đổi và bổ túc ngày 25 tháng 12 năm 2001 được công bố trên mạng, chúng tôi phát hiện một điều khoản nghịch thường mà sự duy trì điều khoản này trong hơn hai mươi năm qua, chắc chắn sẽ mang lại một hậu quả nghiêm trọng cho các tòa án trong nước. Tất cả các tòa án đều **không có căn bản pháp lý** để xét xử các vụ tranh tụng về Hộ cũng như về Hình do sự *truật quyền giải thích luật* của **điều 91 khoản 3 bản Hiến Pháp 1992** và nếu sự truật quyền này còn tiếp tục được duy trì trong **điều 79 khoản 2 bản Dự thảo Hiến Pháp**.

Thật vậy, điều 91 khoản 3 viết: “ **Nhiệm vụ giải thích Hiến Pháp, Luật và Pháp Lệnh thuộc về Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội** ”!

Như mọi người đều biết, *giải thích và áp dụng luật* là nhiệm vụ đương nhiên phải có của các tòa án chứ không phải của Quốc Hội. Nhiệm vụ giải thích luật của các tòa án được minh thị xác nhận tại điều 32 ‘Công Ước bảo vệ nhân quyền và những quyền tự do căn bản’ của Tòa án nhân quyền Âu châu và trong định nghĩa của từ ngữ ‘kháng cáo’:

(1) . Điều 32 ‘Công ước bảo vệ Nhân Quyền và những quyền tự do căn bản’ (Convention for the Protection of Human Rights and Fundamental Freedoms) viết: “ *Thẩm quyền tài phán của Pháp Đình Nhân Quyền Âu Châu được nói rộng tới mọi vấn đề liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công Ước cùng những Hiệp nghị thư được đề cập đến trong bản Công ước theo những điều kiện dự liệu tại các điều 33, 34 và 47*”.

(The jurisdiction of the Court shall extend to all matters concerning **the interpretation and application of the Convention** and the protocols thereto which are referred to it as provided in Articles 33, 34 and 47)

(2) . Theo định nghĩa, “*Vai trò của tòa xử kháng cáo là duyệt xét bản án bị chống đối của tòa dưới để biết chắc rằng việc giải thích và áp dụng luật có được tòa dưới tôn trọng hay không và tòa kháng cáo nên hay không nên cho phép tòa dưới giữ lại quyết định ấy.*” (The role of the Court of Appeal is to look into the decision of the lower court under attack to ascertain whether **the interpretation and application of the law** was correctly observed and whether that decision was allowed to stand).

Với điều 32 ‘Công Ước Bảo vệ Nhân quyền...’ và định nghĩa từ ngữ ‘kháng cáo’ nói trên, không ai còn hoài nghi gì về nhiệm vụ phải giải thích và áp dụng luật của tòa án nữa. Như vậy, nếu quyền giải thích luật được Hiến Pháp nước CHXHCNVN được giao phó cho Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội đảm nhiệm thì liệu các tòa án Việt Nam có còn lý do tồn tại hay không, khi mà nhiệm vụ của các tòa đã bị quốc hội truật phé? Ngoài ra, một câu hỏi cũng cần phải được giải đáp khẩn cấp là nếu bản Hiến Pháp **không có** điều 91 khoản 3 thì ‘Tòa án phải *giải thích luật và áp dụng luật* như thế nào?’ Vấn đề sẽ được bàn đến khi khảo sát việc giải thích và áp dụng luật của Viện Kiểm sát và Tòa án trong vụ xử Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân, bị cáo về tội ‘**Chống nhà nước CHXHCNVN**’..

Mất quyền giải thích luật có nghĩa là **toà án sẽ mất đi cái căn bản pháp lý cần phải có để giải quyết hợp pháp các vụ tranh tụng**. Mất quyền giải thích luật thì việc thiết lập các tòa án trong nước sẽ không còn cần thiết nữa, bởi vì nhiệm vụ của nó nay được trao cho Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội theo điều 91 khoản 3 rồi. Nếu các tòa án trong nước vẫn tiếp tục tồn tại để xét xử các vụ kiện như hiện nay thì câu hỏi được đặt ra là liệu các phán quyết của tòa án có được xem là **hợp pháp** hay phải bị coi là **vô hiệu** ? Trường hợp các bản án này bị coi là vô hiệu thì số phận các nạn nhân của các vụ hình tòng được các tòa án vô thẩm quyền xét xử đã và đang thụ hình sẽ được nhà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam giải quyết ra sao? Tại các quốc gia tự do trên thế giới, những vụ sai lầm pháp lý hay ‘ngộ phán’ về một vụ án hình là điều đôi khi không thể tránh khỏi ở cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, những vụ sai lầm như thế chỉ có tính cách cá biệt, và bản án xử sai lầm sẽ được các tòa trên điều chỉnh lại ngay, bằng một phán quyết mới, một khi bản án được kháng cáo. Thế nhưng, sự truật quyền *giải thích luật* của các tòa án do hệ quả của điều 91 khoản 3 bộ hình luật có ảnh hưởng to lớn tới cả một hệ thống tư pháp của cả một quốc gia, và kéo dài trong một thời gian hơn hai mươi năm mà vẫn chưa chấm dứt, thì có lẽ trên thế giới chỉ duy nhất thấy xảy ra ở nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mà thôi! Đến đây, tưởng cần lưu ý độc giả về một sự kiện lý thú sau:

Hội Luật sư Cù Huy Hà Vũ kiện tiêu hủy Nghị Định của Thủ Tướng Chính Phủ trước Toà An Hành Chánh , hồ sơ vụ kiện được Tòa án Hành Chánh Hà Nội từ chối thụ lý với lý do “**Toà thiếu căn bản pháp lý**” để giải quyết (trong bản liệt kê những vụ việc thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án hành chánh không thấy ghi thẩm quyền tiêu hủy Nghị Định vi luật của Thủ Tướng!) Đây là sự sai lầm đáng tiếc của Toà án Hành Chánh Hà Nội vì quyền ‘**tiêu hủy mọi quyết định bất hợp pháp (Sắc Lệnh, Nghị Định, Quyết Định)**’ của các quan chức trong chính quyền, tùy theo trường hợp, đều thuộc thẩm quyền hoặc của Tham chính viện hay của Toà án hành chánh, nếu quốc gia đó có hệ thống Tòa án hành chánh biệt lập như ở Pháp. Ở những quốc gia không thiết lập các toà án hành chánh riêng biệt như ở Vương Quốc Anh chẳng hạn, các vụ kiện tiêu hủy quyết định của cơ quan hành chánh đều do **Queen’s Bench Division**, một trong 3 bộ phận của Toà Thượng Thẩm được phó dữ thẩm quyền giải quyết các vụ kiện này.

A. NỘI DUNG ĐIỀU 91 KHOẢN 3 BẢN HIẾN PHÁP

Trước khi bàn vào chi tiết, cần ghi ra ở đây nguyên văn điều 91 khoản 3 bản Hiến Pháp năm 1992.

Điều 91. Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc Hội
2. Tổ chức việc quản lý, triệu tập và chủ trì các ngày họp Quốc Hội
3. **Giải thích Hiến Pháp, Luật, Pháp Lệnh...**

Trong bản hiến pháp của hầu hết các quốc gia trên thế giới, dù cho quốc gia này được cai trị bởi một chính thể độc tài, kể cả độc tài Cộng Sản, đều qui định sự phân nhiệm giữa 3 cơ cấu quyền lực của một quốc gia: lập pháp (làm luật), hành pháp (thi hành luật) và tư pháp (giải thích và áp dụng luật; xét xử theo lương tâm và luật pháp) Chỉ có sự khác biệt là khi áp dụng sự phân nhiệm của quyền tư pháp vào thực tế, mọi người đều nhận thấy, nếu việc giải thích luật được thi hành đúng theo sự đòi hỏi của thủ tục tại các quốc gia tự do thì dưới chế độ CS, Tòa án không bao giờ áp dụng đúng đắn việc giải thích luật, đặc biệt là đối với bộ môn hình luật!

Điều này cũng dễ hiểu. Nếu ở các quốc gia tự do, toà án được thành lập là để ‘**bảo vệ sự tự do, tính mạng và tài sản của người dân**’ thì dưới chế độ Cộng Sản, tòa án biến thành công cụ để bảo vệ chế độ của nó: **chế độ Cộng Sản!** Những tội trạng, các yếu tố vật chất và tinh thần của tội trạng hầu như không được định nghĩa và giải thích hoặc giải thích tùy tiện. Bộ hình luật của nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa còn không phân biệt tội phạm chính trị và tội phạm hình sự, cho nên, trong bộ luật hình của họ, người ta thấy có sự hàm hồ giữa những tội danh được xem là tội chính trị và những tội danh thuần túy thuộc về hình sự. Có thể nói, dưới chế độ CS, mọi vi phạm luật đều là vi phạm luật hình hết! Nếu bộ luật hình sự tố tụng ở các quốc gia tự do được ban hành là nhằm bảo đảm cho mọi người được xét xử công bằng trước pháp đình, hầu đối phó hữu hiệu với cả một guồng máy công lý đầy quyền lực của nhà nước như Công an, Cảnh sát và Công tố thì dưới chế độ CS, thủ tục tố tụng tốt đẹp như thế lại không được áp dụng đúng đắn vì làm như vậy có thể đem lại những hệ lụy không nhỏ cho mục tiêu mà Đảng CS không muốn thấy. Một Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ, hiểu rõ điều này, đã tuyên bố như sau:

“ *Thà sống dưới chế độ pháp luật của nước Nga (Cộng sản) nhưng được áp dụng luật thủ tục của Anh Mỹ (Tục lệ Pháp) còn hơn là sống dưới chế độ pháp luật của Anh Mỹ nhưng lại áp dụng luật thủ tục của nước Nga (Cộng Sản) ”*
(It might be preferable to live under Russian law applied by Common-law procedures than under the Common law enforced by Russian procedures – Shaughnessy v. United States, 345 US 206 (1953) (Jackson J).

Dường như câu ví von trên của ông Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện Mỹ không được đúng lắm, nếu như Toà án ở bên Nga (trước năm 1990) cũng lại giải thích luật thủ tục (hoàn hảo) của Anh Mỹ một cách *bừa bãi* hay *sai lầm* do câu thả hay thiếu khả năng, giống như đồng nghiệp và đồng chí thân cận của họ ở Việt Nam. Như vậy thì chuyện gì sẽ xảy ra sau đó, là điều không ai có thể đoán trước được! Vấn đề sẽ được trình bày rõ ràng hơn khi bàn đến việc giải thích điều 88 bộ luật hình sự được các tòa án đem áp dụng vào việc xét xử các bị cáo về tội ‘**Chống Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**’. Nhưng trước hết ta cần tìm hiểu xem tại các quốc gia tự do trên thế giới, các toà án đã *giải thích và áp dụng luật* hình như thế nào?

B. VIỆC GIAI THÍCH & ÁP DỤNG LUẬT HÌNH QUẢ CAU CHÂM NGON

‘Actus non facit reum nisi mens sit rea’

Câu châm ngôn ‘**Actus non facit reum nisi mens sit rea**’ [*An act does not itself constitute guilt, unless the mind is guilty* (**Một hành động tự nó không cấu thành tội trừ phi hành động này được xem là có tội về mặt tinh thần**)] được hầu hết các quốc gia tự do trên thế giới áp dụng để định nghĩa tội danh của một vụ án hình.

(1). Theo câu châm ngôn trên, một tội trạng chỉ cấu thành nếu hội đủ 2 yếu tố:

- (a) Yếu tố vật chất (*the actus reus*) nếu **có sự thực hiện hành vi phạm pháp** của bị cáo.
- (b) Yếu tố tinh thần (*the mens rea*) nếu bị cáo **có ý thức** khi thực hiện hành vi phạm pháp ấy.

(2). Hệ quả thực tiễn của câu châm ngôn này là ‘**Công tố Viện có trách nhiệm phải chứng minh ‘không còn hoài nghi gì’** (the prosecution must usually prove beyond reasonable doubt) về sự phạm pháp của bị cáo.

1. ‘Yếu tố vật chất của tội trạng’ (actus reus).

Từ ngữ “actus reus” hay ‘**yếu tố vật chất của tội trạng**’ bao gồm toàn thể các sự kiện (facts) nằm trong điều luật. Các sự kiện này phải được Công tố viện chứng minh.

Thí dụ 1. X bị truy tố về tội ‘*giam giữ người trái phép*’ (false imprisonment)

Yếu tố vật chất (actus reus) của tội trạng, trong trường hợp này, được cấu thành bởi các sự kiện:

- . X giam giữ Y;
- . X đã hạn chế sự tự do di chuyển của Y từ một địa điểm này đến một địa điểm khác;
- . Hành động của X không được pháp luật cho phép.

Khi thiết lập yếu tố vật chất (actus reus) của tội phạm, Công tố viện phải chứng minh cho bằng được:

- . Hành động của X khi khóa căn phòng mà X biết rõ Y đang có mặt ở bên trong.
- . Hậu quả hành động của X khiến Y không thể rời khỏi căn phòng này để đi đến nơi khác.
- . Không có điều luật nào cho phép X hành động như vậy.

. Kết luận: CTV có đủ lý do để tin tưởng rằng “*Không còn hoài nghi gì về việc giam giữ người trái phép của X*”. X phải bị truy tố về tội danh này.

Chỉ cần Công tố viện không chứng minh được 1 trong 3 trường hợp kể trên để chứng tỏ rằng nội vụ đã có đầy đủ *yếu tố vật chất* của tội trạng thì Công tố viện không thể truy tố X về tội giam giữ người trái phép được. Nếu công tố viện cứ truy tố bừa bãi thì tòa án buộc phải đưa ra định nghĩa thế nào là “giam giữ trái phép”, thiết lập yếu tố vật chất của tội phạm, để rồi từng điểm một, bác bỏ bản cáo trạng của Công tố viện, truyền tha bổng bị cáo vì không đủ yếu tố theo tục giao pháp lý ‘**No actus reus, no crime**’ (Không có yếu tố vật chất, không có tội trạng)

Xem như vậy, bằng chứng về *yếu tố vật chất* của tội trạng quả thật rất cần thiết để quy trách nhiệm cho bị cáo.

Tóm tắt : Yếu tố vật chất bao gồm toàn thể các **sự kiện nằm trong điều luật truy tố bị cáo**.

2. Yếu tố tinh thần của tội trạng (mens rea).

Yếu tố tinh thần của tội trạng (mens rea) được định nghĩa là có ý định phạm tội (criminal intention) để thực hiện một hành vi bị luật pháp cấm đoán. (an intention to do an act which is an offence by statute)

Việc trừng phạt này do quốc gia chủ động nhằm trừng trị những kẻ có hành động với ý đồ độc ác (wicked intent) nhưng kẻ chủ động lại không đưa ra được lý do để biện minh cho hành động của mình.

Xin nhắc lại ở đây, một tiêu chuẩn được đề ra cho các tội phạm hình sự là trước khi kết tội bị cáo, **tòa án phải có đủ lý do để tin rằng ‘không còn hồ nghi gì’ (beyond reasonable doubt) về sự phạm pháp của bị cáo.**

Thí dụ 2. Nếu X bị cáo buộc về *tội trộm*, Công tố viện phải chứng minh rằng ‘*không còn hồ nghi gì (beyond reasonable doubt) về việc X đã cố ý chiếm đoạt bất chính tài vật của Y và cố ý định truất hữu vĩnh viễn tài vật ấy của Y.* (Thus, if X is to be convicted of theft, the prosecution must prove *beyond reasonable doubt* that he appropriated property belonging to Y and the appropriation had been carried out by X dishonestly and with the intention of permanently depriving Y of that property).

Yếu tố tinh thần (Mens rea) của tội trộm trong trường hợp này chính là sự ‘*cố ý chiếm đoạt bất chính tài vật của Y kèm theo ý định truất hữu vĩnh viễn tài vật này của Y*’.

Thí dụ 3. Yếu tố tinh thần của tội ‘*Oa trữ đồ gian*’ (handling stolen goods) nếu X lưu giữ bất hợp pháp những đồ vật mặc dầu biết rõ hay tin tưởng rằng đồ vật này do trộm cắp mà có.

Trên đây, chúng tôi đã đưa ra hai thí dụ đơn giản nhưng lại là những nguyên tắc quan trọng trong tiến trình thủ tục của một vụ hình mà Công tố viện cũng như Tòa án bó buộc phải tuân theo. Những thí dụ trung dẫn trên cho thấy chính **Tòa án có nhiệm vụ phải giải thích luật, chứ không phải là Quốc Hội hay Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội** như được qui định tại điều 91 khoản 3 bản hiến Pháp năm 1992 của nước CHXHCNVN.

Lời kết 1

Về phương diện hình luật, một quyết định về sự kiện có nghĩa là xác định một yếu tố của sự kiện nào đó là có thực. Tòa án phải xác định vấn đề sự kiện trước khi hành xử thẩm quyền chuyên quyết của mình. Nếu vì một lý do gì khiến Tòa thất bại trong việc xác định vấn đề sự kiện hay quyết định sai lầm về sự kiện thì điều này có nghĩa là Tòa án đã đưa ra một giải pháp sai lầm về sự kiện và giải pháp này được xem như vô giá trị, phải bị tòa trên hủy bỏ vì lý do sai lầm về sự kiện.

(In criminal law, a decision of fact is a determination whether or not a particular state of the fact exists. The court must then determine the question of fact before it can exercise its discretionary power. If, however, it fails to determine the question of fact or make a wrong decision of fact, it may enact a wrong measure and such a measure will be *invalid* and will be quashed on ground of being mistaken of fact.)

Đến đây, người viết xin mời độc giả xem thêm một trường hợp giải thích luật của Tòa An Nhân Quyền Au Châu: về ‘**quyền được xét xử công bằng**’ (the right to a fair hearing).

C . VIỆC GIẢI THÍCH ‘QUYỀN ĐƯỢC XÉT XU CÔNG BẰNG’ CỦA TOA AN NHÂN QUYỀN AU CHAU (Right to a fair trial)

Pháp đình Au châu được nhìn nhận là một tòa án quốc tế vì các thành viên cộng đồng bao gồm hầu hết các quốc gia Au châu, đồng thời qui tụ được những hệ thống pháp luật quan trọng trên thế giới: hệ thống Dân Luật (Civil Law) chịu ảnh hưởng của Luật La Mã như Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Hòa Lan ..., hệ thống Tục lệ pháp (Common Law) như Vương quốc Anh, Ai Nhĩ Lan, hệ thống pháp luật Xã Hội chủ nghĩa do một số quốc gia Đông Âu mới gia nhập Cộng Đồng sau này.

Không một hệ thống pháp luật nào trên thế giới tự nhận có thể giải đáp được đủ mọi câu hỏi được đặt ra trước pháp đình. Vì vậy, các Thẩm Phán bắt buộc phải đề ra *những quy tắc pháp luật* để giải đáp mọi vấn đề được đặt ra cho mình. Về điểm này, pháp đình Cộng đồng Au châu đã phát triển được một học lý mới để bổ túc cho sự thiếu sót ấy bằng cách dựa vào các *điều ước* (treaties), vào *luật lệ cộng đồng* (community legislation), vào *hệ thống pháp luật của các quốc gia thành viên* trong cộng đồng (the legal systems of the Member States) và từ **nguyên tắc pháp lý tổng quát** (the general principles of law).

Như vậy, những nguyên tắc pháp lý tổng quát ấy gồm có những gì? Khó có thể liệt kê được đầy đủ những nguyên tắc này, đại để những nguyên tắc liệt kê sau đây là những nguyên tắc quan trọng nhất:

1. Những nguyên tắc căn bản bắt nguồn từ các Công Ước nhân quyền;
2. Những nguyên tắc bất hồi tố tính và quyền thủ đắc hợp pháp; (Non-Retroactivity and Vested Rights);

3. Nguyên tắc kỳ vọng chính đáng (Legitimate expectations);
4. Nguyên tắc tỷ lệ cân xứng (Proportionality)
5. Nguyên tắc bình đẳng (Equality);
6. Nguyên tắc ‘Quyền được nghe lời trình bày quan điểm của mình’ (Right to a fair hearing)

Đối với hệ thống pháp luật của các quốc gia thành viên thì Pháp đình Âu châu khẳng định rằng nó không nhất thiết phải được tất cả các quốc gia thành viên chấp nhận mà chỉ cần được đa số các quốc gia thành viên chấp nhận là đủ để được Pháp đình Âu châu đem ra áp dụng và đương nhiên trở thành luật lệ Cộng đồng.

Tỷ dụ: điều 14 của ‘Công Ước Quốc Tế về Những Quyền Dân Sự và Chính Trị’ được đem vào điều 6 của bản ‘**Công Ước Bảo Vệ Nhân Quyền và những Quyền Tự Do Căn bản**’ (Convention for the Protection of Human Rights and Fundamental Freedoms) để dùng làm tài liệu cho Tòa án nhân quyền Âu châu trong việc xét xử những vi phạm luật quốc tế nhân quyền. Điều 6 của bản ‘Công Ước Bảo vệ Nhân quyền ...’ nói về ‘Quyền được xét xử công bằng (**Right to a fair trial**)’ viết như sau:

“Để quyết định về những quyền lợi và nghĩa vụ dân sự của mình hay về bất cứ một tội hình sự nào mà mình bị cáo buộc, mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai trong một thời hạn hợp lý, bởi một toà án độc lập và vô tư, được thành lập theo luật...”

(In the determination of his civil rights and obligations or of any criminal charge against him, everyone is entitled to a fair and public hearing within a reasonable time by an independent and impartial tribunal established by law...)

Dựa vào án lệ của tòa, người ta nhận thấy ‘quyền được xét xử công bằng’ được Tòa án Nhân Quyền Âu châu diễn giải rộng rãi, tạo thành những tiêu đề đáng chú ý sau đây:

. **Giữa các vụ hình, hộ**. Đối với một vụ hình, quyền được xét xử công bằng được toà án áp dụng rộng rãi nhưng đối với một vụ hộ thì vì ý nghĩa đặc biệt của nó, quyền được xét xử công bằng được đổi thay theo từng trường hợp. Do đó, trước khi đưa một vụ hộ ra trước toà án nhân quyền, tụng phương nên tham khảo ý kiến trước với các chuyên gia về luật nhân quyền.

. **Quyền kháng cáo có nằm trong sự che chở của điều 6 không ?** (What are about appeals ?)

Điều 6 không bảo đảm quyền kháng cáo trong mọi tiến trình của thủ tục. Điều 6 chỉ bảo đảm cho việc thụ lý hồ sơ vào giai đoạn đầu tiên của thủ tục mà thôi.

. **Quyền được cho biết lý do** (the right to reasons)

Luật nhân quyền đòi hỏi những người ra quyết định (decision makers) và toà án phải *cho biết lý do* đã đưa đến quyết định để người thất kiện biết rõ yếu điểm của mình hầu cân nhắc xem có nên hay không nên kháng nghị quyết định của cơ quan hành chánh lên cấp trên hay kháng cáo bản án của tòa dưới lên toà trên.

. **Quyền được thụ lý hồ sơ tô tụng** (the right to access to a court). Điều 6 cho bạn được quyền đem một vụ hộ ra trước tòa án để phân xử. Hệ thống pháp luật phải được thiết lập sao cho vụ kiện về dân sự của bạn không thể bị tòa khước từ thụ lý. Tuy nhiên quyền được thụ lý hồ sơ hộ vụ của bạn cũng có giới hạn. Tòa án Cộng Đồng Âu châu nhìn nhận rằng những người sau đây bị hạn chế kiện tụng trước tòa:

- . Những người bị khánh tận (bankrupts)
- . Những trẻ vị thành niên (minors)
- . Những người đệ vụ kiện quá thời hạn luật định (people who are not within a time limit for bringing a case).

. **Về vấn đề Tư pháp bảo trợ thì sao ?** (What about legal aid ?)

Điều 6 không bảo đảm tuyệt đối về tư pháp bảo trợ cho những vụ kiện về hộ. Tuy nhiên, nếu nội vụ quá phức tạp khiến tụng phương không thể tự mình đảm trách nội vụ được hay nội vụ buộc phải có đại diện pháp lý theo luật thì tụng phương có thể được hưởng sự che chở của điều 6.

. **Quyền được tòa nghe lời trình bày lý lẽ của đôi bên có ý nghĩa gì ?** (what does the right to a fair hearing mean)

Luật thủ tục công bằng đòi hỏi *toà phải nghe lời trình bày của đôi bên tụng phương* (audi alteram partem)

Quyền được trình bày vụ kiện và xét nghiệm bằng chứng của vụ kiện trước toà là nhằm bảo đảm cho một bên đương tụng không ở vào vị thế bất lợi so với tụng phương kia. Điều này còn có nghĩa là một bên tụng phương có quyền thăm vấn nhân chứng tương tự như đối phương của mình qua trung gian của một luật sư.

Quyền được xét xử bởi một phiên tòa công khai có ý nghĩa gì ? (What does the right to a public hearing mean?)
Theo nguyên tắc, công chúng, báo chí có quyền hiện diện trong phòng xử để theo dõi phiên xử. Tuy nhiên, quyền này có thể bị hạn chế trong một vài trường hợp tỷ như vì nhu cầu của đạo lý, trật tự công cộng, an ninh quốc gia hay vì lợi ích của trẻ vị thành niên dưới 18 tuổi.. Dẫu sao, sự trực xuất công chúng tham dự phiên tòa không thể đi xa hơn sự cần thiết để bảo vệ những ích lợi ấy. Kể cả trường hợp công chúng bị trục xuất khỏi phiên xử, tòa vẫn phải tuyên bố công khai bản án hay dưới hình thức một án văn.

. Quyền được xét xử bởi một tòa án độc lập và vô tư có ý nghĩa gì ? (what does the right to an independent and impartial tribunal mean)

Toà án xử vụ kiện của bạn phải được độc lập với bạn và với tụng phương kia. Cách thức bổ nhiệm nhân viên của tòa hay cách thức điều khiển vụ kiện có thể ảnh hưởng tới sự độc lập của tòa.

Như vậy, những thành viên của tòa phải vô tư, không được có thái độ nào để có thể bị chỉ trích là có dấu hiệu không vô tư. Đôi khi vị thẩm phán đã có hành vi ảnh hưởng đến vụ kiện trước khi vụ kiện được đưa ra xét xử công khai.

Như vậy vị thẩm phán này đã vi phạm vào tính cách độc lập và vô tư của tòa.

. Quyền được tòa án xét xử trong một thời hạn hợp lý có ý nghĩa gì? (what does the right to a trial within a reasonable time mean?)

Vụ kiện của bạn không thể bị diên trì quá lâu. Việc diên trì chỉ có thể được chấp nhận nếu:

- . nội vụ thuộc loại phức tạp
- . do sự thiếu mẫn cán trong việc điều hành vụ kiện của cả hai bên đương tụng.

. Quyền phụ thêm trong một vụ hình (additional rights in a criminal trial)

Những quyền này gồm:

- . quyền có mặt trong phiên tòa, dù khi đó bạn đang bị giam giữ. Nơi giam giữ phải chịu trách nhiệm về sự có mặt của bạn trước tòa. Bạn có quyền từ chối hiện diện trước tòa nhưng sự từ chối này phải do chính bạn tự nguyện đồng thời minh bạch biểu thị ý định ấy.
Việc bạn từ chối hiện diện trước tòa cho phép tòa được tiếp tục phiên xử mà không vi phạm vào điều 6.
- . quyền từ chối đưa ra bằng chứng, còn gọi là quyền giữ yên lặng (right to silence). Quyền này có thể khiến tòa buộc tội bạn.
- . quyền được suy đoán là vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội bởi công tố viện
- . quyền được thông báo nhanh chóng về tội trạng với đầy đủ chi tiết bằng ngôn ngữ mà bạn thông hiểu.
- . quyền có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị sự bào chữa, kể cả quyền được hưởng tư pháp bảo trợ theo luật và được quyền liên lạc với luật sư trước khi có phiên xử.
- . quyền được đối chất với nhân chứng buộc tội và quyền đòi nhân chứng và chất vấn các nhân chứng gỡ tội cho mình theo những thủ tục tương tự.
- . quyền được tự bào chữa hay quyền được có luật sư biện hộ.
- . quyền có thông dịch viên miễn phí nếu bạn không hiểu ngôn ngữ của tòa.

Những tiêu đề liệt kê trên, một lần nữa, chứng tỏ cho mọi người thấy rằng chính Toà An Nhân Quyền Au châu đã *giải thích và áp dụng luật* để giải quyết các vụ tranh tụng về nhân quyền chứ không phải Quốc Hội Au châu hay Hội Đồng Au châu (Council of Europe).

Lời kết 2.

1. Giải thích và áp dụng luật là nhiệm vụ của tòa án chứ không phải của Quốc Hội.
2. Điều 91 khoản 3 bản Hiến Pháp trao quyền giải thích luật cho Quốc Hội có nghĩa là Hiến Pháp trút quyền giải thích và áp dụng luật của tòa án, nói cách khác, tòa án mất căn bản pháp lý để giải quyết công việc xét xử các vụ tranh tụng;
3. Nếu tòa án cứ tiếp tục giải quyết các vụ tranh tụng sau khi bản hiến pháp được ban hành thì các phán quyết của tòa đều vô hiệu vì đã giải thích luật trái với điều 91 khoản 3 của bản Hiến Pháp.

II. ĐIỀU 88 BỘ LUẬT HÌNH SỰ ĐƯỢC CÁC TÒA AN VIỆT NAM GIẢI THÍCH NHƯ THẾ NÀO ?

A. VIỆN KIỂM SÁT VÀ TÒA AN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐÃ GIẢI THÍCH ĐIỀU 88 BỘ LUẬT HÌNH SỰ NHƯ THẾ NÀO TRONG VỤ XỬ HAI LUẬT SƯ NGUYỄN VĂN ĐÀI VÀ LÊ THỊ CÔNG NHÂN VỀ TỘI ‘CHỐNG NHÀ NƯỚC CHXHCNVN’?

Chú ý: (1) Việc khảo sát sau đây của chúng tôi được đặt trên giả thiết là bản Hiến Pháp năm 1992 không có điều 91 khoản 3, vì vậy các tòa án được xem như vẫn có nhiệm vụ giải thích luật để giải quyết các vụ tranh tụng.
(2) Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát, bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và phúc quyết của tòa Phúc Thẩm nêu lên trong bài viết được căn cứ vào tài liệu đã phổ biến trên mạng vào năm 2007.

1. Nguyên văn điều 88 khoản 1 (a, b, c) bộ Hình Luật.

Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm ‘**Chống Nhà Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**’ thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm:

- tuyên truyền xuyên tạc, **phỉ báng chính quyền nhân dân**;
- tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;
- Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung chống nhà nước CHXHCNVN;

2. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà nội.

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát thì nội vụ xảy ra như sau:

“Từ năm 2006 cho đến ngày bị bắt 6.3.2007, tại Văn Phòng của luật sư Thiên Ân, tại nhà riêng của Đài và Nhân, Công An đã **phát hiện** :

- nhieu tài liệu có nội dung chống phá nhà nước;
- tài liệu của đối tượng cơ hội chính trị trong nước biên soạn, phát tán đã bị nhà nước cấm lưu hành,
- hàng chục đầu tài liệu, ấn phẩm do các tổ chức người Việt phản động ‘lưu vong’ nước ngoài và các nhóm đối tượng chống đối trong nước phát tán trái phép. Các tài liệu này đều có nội dung bịa đặt, xuyên tạc lịch sử đấu tranh cách mạng, hiểu sai lệch đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà Nước; kêu gọi nhân dân không tham gia bầu cử Quốc Hội khoá 12;
- Ngoài ra hai bị cáo còn viết bài, ‘phát tán tài liệu có nội dung ‘tuyên truyền kích động’ nhằm lật đổ nhà nước CHXHCNVN.’

Đầu năm 2006, Đoàn luật sư Hà Nội đã tổ chức một cuộc họp vạch trần những sai phạm của Đài, yêu cầu Đài tự kiểm điểm. Tại buổi họp, Đài nhận khuyết điểm, hứa hẹn chấm dứt những hành vi trong tự nhưng ngay sau đó, (6) Đì đứng ra mở một số lớp học nhằm tuyên truyền chống nhà nước, xuyên tạc tình hình đất nước, vận động, giới thiệu các tổ chức bất hợp pháp do các đối tượng chống đối thành lập như ‘Đảng Dân Chủ Thế Kỷ 21’ ‘Đảng Việt Nam Thăng Tiến’ Khối 8406).

Chú ý : Qua bản cáo trạng của Viện kiểm sát, người đọc nhận thấy: (a) bản cáo trạng **không truy tố** các bị cáo về tội ‘Chống Nhà nước CHXHCNVN’, cũng **không ghi điều luật truy tố** họ về tội danh này.(b) Trong bản cáo trạng chỉ thấy liệt kê những giấy tờ tìm thấy trong văn phòng luật sư và tại nơi cư ngụ của họ. Những giấy tờ này không chứng minh được các bị cáo đã có **hành vi** ‘tuyên truyền xuyên tạc’, ‘phỉ báng chính quyền nhân dân’, tàng trữ ‘văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà Nước CHXHCNVN’!

3. Phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Ngày 11.5.2007, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử hai bị cáo Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân về tội ‘**Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân**’, tội trạng được dự liệu và trừng phạt bởi điều 88 khoản 1 (a,c) và điều 92 bộ luật hình sự.

Hội Đồng xét xử đã tuyên án Nguyễn văn Đài 5 năm tù giam, 4 năm quản chế; Lê thị Công Nhân 4 năm tù giam, 3 năm quản chế.Theo qui định của bộ luật hình sự Việt Nam, những hành vi của Đài và Nhân *vi phạm luật*, cần phải xử trị nghiêm khắc.”

B. NHẬN XÉT VỀ VIỆC GIẢI THÍCH ĐIỀU 88 BỘ HÌNH LUẬT CỦA VIỆN KIỂM SÁT VÀ CỦA TOA AN NHÂN DÂN T. P HÀ NỘI TRONG VỤ XU NGUYEN VAN ĐAI & LÊ THI CONG NHAN

1. Viện kiểm sát nhân dân đã giải thích điều 88 bộ hình luật về tội ‘chống nhà nước CHXHCNVN như thế nào?

Như đã trình bày ở trên, nhiệm vụ của Viện Kiểm sát là phải định nghĩa tội danh ‘**Chống Nhà Nước Cộng Hòa XHCNVN**’ và giải thích thế nào là: (a) **hành vi** ‘tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân’ và (c) **hành vi** ‘tàng trữ tài liệu, văn hóa phẩm chống phá nhà nước CHXHCNVN’ (hai trong ba *yếu tố vật chất của tội* chống nhà nước CHXHCNVN) . Tại sao ?

Bởi vì Viện Kiểm sát là cơ cấu truy tố bị cáo nên có nhiệm vụ phải chứng minh **có sự thực hiện hành vi phạm pháp của các bị cáo**, và các bị cáo quả thực **có ý thức** khi thực hiện sự phạm pháp. Thế nhưng bản cáo trạng của Viện Kiểm sát không chứng minh được những sự kiện này.

- (a). Bản cáo trạng của Viện kiểm sát không chứng minh được các bị cáo đã thực hiện các hành vi phạm pháp cũng như có ý thức thực hiện các hành vi phạm pháp như thế nào.
- (b). Bản cáo trạng cũng không giải thích và chứng minh thế nào là hành vi ‘tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân’, hành vi ‘tàng trữ tài liệu văn hoá phẩm chống chính quyền nhân dân’
- (c). Bản cáo trạng cũng không miêu tả nội dung của tài liệu chống phá nhà nước, không giải thích tại sao các tài liệu này lại được xem là chống phá nhà nước?
- (d). Bản cáo trạng không miêu tả nội dung các tài liệu của đối tượng cơ hội chính trị trong nước biên soạn đã bị nhà nước cấm lưu hành . Số, ngày, đề mục văn kiện cấm lưu hành các tài liệu này của nhà nước.
- (e). Bản cáo trạng cũng không miêu tả nội dung của tài liệu bịa đặt, xuyên tạc lịch sử đấu tranh cách mạng , hiểu sai lệch đường lối chính sách , pháp luật của Đảng và Nhà nước đồng thời không giải thích tại sao xuyên tạc lịch sử đấu tranh cách mạng, hiểu sai lệch đường lối chính sách, pháp luật của Đảng CS lại vi phạm điều 88 khoản 1 (a,c) của bộ hình luật

(f). **Cũng không thấy bản cáo trạng truy tố hai bị cáo Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân về tội ‘chống nhà nước CHXHCNVN’ cũng như điều luật áp dụng cho tội danh này !**

Lời kết 2

a). Viện Kiểm sát không thi hành đúng theo nhiệm vụ của cơ quan công tố như : định nghĩa tội trạng. giải thích các yếu tố vật chất và tinh thần của tội trạng như đòi hỏi của điều 88 bộ hình luật.

b). Các tài liệu tìm thấy trong văn phòng Luật sư Thiên An và tại nhà riêng của hai bị cáo, liệt kê trong bản cáo trạng không chứng minh được **hành vi** ‘tuyên truyền xuyên tạc’, **hành vi** ‘**phỉ báng chính quyền nhân dân**’, **hành vi** ‘tàng trữ’ (oa trữ) văn hoá phẩm **chống nhà nước CHXHCNVN** của các bị cáo và cũng không giải thích được tại sao các tài liệu ấy lại được xem là vi phạm điều 88 khoản 1(a,c) bộ luật hình sự?

c). Những cụm từ được gạch bên dưới điều luật đều là những *yếu tố vật chất của tội phạm*, không được Công tố viện giải thích trong bản cáo trạng để chứng tỏ rằng hai bị cáo đã có những *hành vi* vi phạm điều 88 khoản 1(a,c). Vì không chứng minh được các yếu tố vật chất của mỗi hành vi bị cáo buộc nên tòa án không thể áp dụng hình phạt của điều 92 cho họ được vì như vậy sẽ trái với tục giao pháp lý ‘không có yếu tố vật chất, không có tội trạng’. (*No actus reus, no crime*)

2. Nhận xét về bản án của tòa án nhân dân Hà Nội trong vụ xử Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân bị cáo về tội ‘Chống nhà nước CHXHCNVN’ theo điều 88 bộ hình luật.

Phán quyết của tòa sơ thẩm rất quan trọng vì tòa sơ thẩm là tòa xử về nội dung, cho nên bản án của tòa phải có phần ‘Trần thuật’ ghi tóm tắt các vụ việc xảy ra như: tại sao có việc khám xét Văn Phòng Luật sư Thiên An và nhà riêng các bị cáo, những công việc tìm tòi bằng chứng của cảnh sát, những lần chấp cung các bị cáo của cảnh sát tư pháp, của viện kiểm sát, những câu hỏi, câu trả lời của các bị cáo ..., những tài liệu hay vật chứng liên quan đến tội trạng đều phải ghi rõ trong bản cáo trạng. Sau hết, tội trạng được định nghĩa, các yếu tố vật chất và tinh thần của tội trạng được giải thích, kết luận của viện kiểm sát về tội danh truy tố và điều luật truy tố các bị cáo .

Như vậy, một bản án sơ thẩm đúng nghĩa cần có 3 phần:

- (1). Trần thuật hay tóm tắt các sự kiện và luật điếm liên quan đến vụ án (Summary of the case)
- (2). Lý do của bản án (the reasoning of the judgment): lời buộc tội của Viện kiểm sát và trả lời của bị cáo, lời khai của các nhân chứng trong phiên tòa công khai.
- (3). Phán quyết của tòa (the actual ruling of the court): cân nhắc lý lẽ đôi bên về sự kiện, về luật điếm để kết luận vụ án.

a). Bản án của tòa sơ thẩm Hà Nội khiếm khuyết cả 3 phần nói trên! Đọc bản án, người ta không biết luật sư của hai bị cáo hay các bị cáo đã trả lời sự buộc tội của công tố viện như thế nào, họ có tranh cãi về thực chất của các tài liệu tìm thấy trong Văn phòng luật sư Thiên An và tại nhà riêng của họ hay không? các tài liệu tìm thấy có hội đủ yếu tố vật chất và tinh thần của hành vi ‘tuyên truyền xuyên tạc’, hành vi ‘phỉ báng chính quyền nhân dân’ để cấu thành tội ‘**chống** nhà nước CHXHCNVN’ theo điều 88 khoản 1 (a,c) của bộ hình luật hay không?

Vì sao ông Nguyễn văn Đài bị tuyên án 5 năm tù, 4 năm quản chế, cô Lê thị Công Nhân: 4 năm tù và 3 năm quản chế trong khi công tố viện cũng như tòa sơ thẩm Hà Nội không chứng minh được họ đã vi phạm vào điếm nào của điều 88 khoản 1 (a,c) bộ hình luật? Người ta tự hỏi bút phê của tòa án nhân dân Hà Nội đưa ra một mức án tù cho các bị cáo với lời dẫn lý như trên có hợp pháp và xứng đáng được gọi là bản án không?

b). Bản án của Tòa sơ thẩm Hà Nội nói rằng phiên tòa được ấn định vào ngày **11/ 05/ 2007** để xét xử Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân can tội ‘**Tuyên truyền xuyên tạc**’, ‘**Phỉ báng chính quyền nhân dân**’. Đây lại là một điếm sai lầm khác nữa của bản án! Trong bản cáo trạng, Viện kiểm sát không hề truy tố hai bị cáo Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân về tội ‘Tuyên truyền xuyên tạc. Phỉ báng chính quyền nhân dân’ hay tội ‘Chống nhà nước CHXHCNVN’ Điều này chứng tỏ rằng hai bị cáo vô tội. Thế nhưng tại sao cả hai vẫn bị đưa ra toà xét xử để rồi bị kết án tù về tội ‘Tuyên truyền xuyên tạc, Phỉ báng chính quyền nhân dân’?

c). Điều 88 bộ hình luật qui định tội ‘**Chống nhà nước CHXHCNVN**’ chứ không qui định tội ‘**Tuyên truyền xuyên tạc, Phỉ báng chính quyền nhân dân**’. (‘Tuyên truyền xuyên tạc’ và ‘Phỉ báng chính quyền nhân dân’ chỉ là hai hành vi cấu thành tội Chống Nhà Nước CHXHCNVN) !!!

Như vậy, Tòa án nhân dân Hà Nội đã kết án hai bị cáo Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân về một tội danh không đúng với tội danh qui định tại điều 88 Bộ luật hình sự, và như vậy, tòa án nhân dân Hà Nội đã vi phạm điều 11 khoản 2 bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền 1948, theo đó “ Không ai có thể bị kết án về một tội hình sự do những việc mà mình đã làm hay không làm, nếu những việc ấy không cấu thành tội hình chiếu theo luật pháp quốc gia hay luật pháp quốc tế hiện hành.”

(No one can be held guilty if any penal offence on account of any act or omission which did not constitute a penal offence, under national or international law at the time when it was committed)

d). Bản án của tòa sơ thẩm Hà - Nội không tôn trọng nguyên tắc ‘*tòa phải nghe lời trình bày của đôi bên*’ (the right to a fair hearing).

Trong hiện vụ tòa án nhân dân Hà Nội chỉ căn cứ duy nhất vào cái gọi là ‘bản cáo trạng’ của Viện Kiểm sát mà cáo trạng này không hề chứng minh được các yếu tố vật chất của tội ‘chống nhà nước XHCNVN’ và cũng không dựa vào điều 88 bộ luật hình sự để truy tố các bị cáo về tội ‘chống nhà nước CHXHCNVN’.

e). Tòa án nhân dân Hà Nội đã vi phạm vào nguyên tắc ‘audi alteram partem’, theo đó, nếu một quyết định vi phạm nguyên tắc ‘audi alteram partem’ thì quyết định đó sẽ không đứng vững, nếu người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi quyết định này *không được dành cho cơ hội để trình bày quan điểm của mình về vụ án, cũng như được biết quan điểm của đối phương để trả lời.* (A decision cannot stand unless the person directly affected by it was given a fair opportunity, both to state his case and to know and answer the other side’s case).

Các bị cáo không được tòa án dành cho quyền được trình bày quan điểm của họ để trả lời cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân !

C. LUẬN CU BIỆN HO CHO ĐONG NGHIEP NGUYỄN VĂN ĐÀI VÀ LÊ THI CÔNG NHÂN QUA BAN LÝ ĐOÁN CỦA LS LÊ CÔNG ĐỊNH ĐỀ TRÌNH TOA PHUC THAM HANOI

- 1). Xuyên qua bản lý đoán của Luật sư Lê công Định thì các chứng cứ nêu lên trong bản án sơ thẩm không xác định được hành vi phạm tội dựa vào yếu tố cấu thành tội phạm như qui định tại điều 88 bộ luật hình sự.
- 2). Vì chứng cứ không rõ ràng nên lập luận của Tòa sơ thẩm và vị đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa chủ yếu dựa trên suy đoán và áp đặt, nhưng lại suy đoán theo hướng có tội vi phạm nghiêm trọng luật pháp Việt Nam và nền tảng của tất cả luật hình sự trên thế giới.
- 3). Ngày 19/11/2007, các luật sư biện hộ yêu cầu triệu tập 17 nhân chứng nhưng chỉ có 5 nhân chứng dự phiên tòa phúc thẩm. Vì lý do trên, tôi khẳng định rằng các chứng cứ trong vụ án không đủ để kết luận luật sư Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân phạm tội tuyên truyền chống nhà nước CHXHCNVN theo điều 88 bộ luật hình sự.

A. Yếu tố cấu thành tội phạm

1. Thế nào là chống nhà nước CHXHCNVN thì điều 88 và cả bộ luật hình sự đều không xác định. Vì vậy cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát Nhân dân và Tòa Sơ thẩm đã tùy tiện suy đoán.
2. Chủ Tịch Đảng Cộng Sản Việt Nam, các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng và nhà nước, thực trạng xã hội, dân chủ và nhân quyền không thể được xem là “chống nhà nước CHXHCNVN” vì lý do sau:
 - a) không thể suy diễn theo hướng đồng hoá đảng CSVN với nhà nước CHXHCNVN vì như vậy sẽ trái với Hiến Pháp hiện hành.
 - b) bản về thực trạng xã hội không thể suy diễn là chống
 - c) bản đến dân chủ và nhân quyền không thể được suy diễn thành chống nhà nước CHXHCNVN trừ phi nhà nước đó chống lại dân chủ và nhân quyền.
3. Chưa có sự thẩm định độc lập của bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức độc lập nào về nội dung các tài liệu tịch thu từ nhà và nơi làm việc của Luật sư Nguyễn văn Đài à Lê thị Công Nhân để kết luận những tài liệu đó có nội dung chống nhà nước CHXHCNVN hay không.
Thiếu thẩm định khách quan cho thấy nhận định và kết luận của cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát nhân dân trong vụ án này hoàn toàn có tính chất chủ quan, thiên lệch. Vì vậy bản án sơ thẩm thiếu công bằng và sai lầm.

B. Thế nào là ‘chống nhà nước XHCNVN’

1. Về phương diện pháp lý chỉ có thể xem là chống nhà nước CHXHCNVN nếu hành vi bị truy tố chống lại Hiến Pháp hiện hành
2. Hành vi của hai luật sư Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân có thể xem là chống lại Hiến Pháp hiện hành không? Tôi xin khẳng định là không.
 - a) đề nghị đa đảng không thể bị xem là trái Hiến Pháp.
Thật vậy, điều 4 Hiến Pháp khẳng định vai trò của đảng CSVN đối với nhà nước và xã hội, rõ ràng là không nghiêm cấm việc lập Đảng hoặc lập Hội ngoài đảng Cộng sản. Như vậy, đề nghị một thể chế đa đảng không đồng nghĩa với việc chống lại chế độ XHCN.
 - b) Ung hộ, tham gia các tổ chức chính trị khác cũng không thể xem là trái Hiến Pháp. Vì Việt Nam chưa có Tòa án HP nên không thể tùy tiện tuyên bố hoạt động của bất kỳ tổ chức nào là bất hợp pháp và trái Hiến Pháp. Cho đến nay cũng chưa có bất kỳ phán quyết nào của tòa án các cấp xem xét về tính chất hợp hiến và hợp pháp của những tổ chức như ‘Khối 8406’, ‘Đảng Thăng Tiến Việt Nam’, ‘Hội Dân Đen’ và ‘Công Đoàn độc lập’. Do đó việc vội vã kết luận những tổ chức này là chống nhà nước, rõ ràng thiếu cơ sở pháp lý.
 - c) Kêu gọi tôn trọng bảo vệ nhân quyền và dân chủ càng không thể bị xem là trái HP. Nội dung các tài liệu và tài liệu của luật sư Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân

- d) nhằm mục đích kêu gọi thực hiện các quyền công dân và nhân quyền được qui định
- e) tại các điều 69, 70 và 71 của Hiến Pháp hiện hành, theo đó công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo qui định của pháp luật, có quyền tự do tín ngưỡng và có quyền được pháp luật bảo vệ tánh mạng, danh dự và nhân phẩm.

Chỉ trích, lên án những hành vi thiếu tôn trọng hoặc vi phạm quyền công dân và nhân quyền được qui định tại các điều 69,70 và 71 của Hiến Pháp không thể bị xem là chống nhà nước CHXHCNVN, trái lại chỉ những hành vi vi phạm quyền công dân và nhân quyền mới là chống Hiến Pháp, do đó chống nhà nước.

C. Quyền tự do trình bày ý kiến và quan điểm cá nhân theo luật quốc tế.

Nhà nước Việt Nam có bốn phần tuân thủ các điều ước quốc tế đã gia nhập hoặc công nhận, đặc biệt là Công Ước Quốc Tế mà Việt Nam là thành viên. Luật quốc gia cần phải được ban hành, sửa đổi, giải thích và thi hành theo qui định của các điều ước quốc tế đó.

Theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, người dân có những quyền sau:

- a) . Quyền giữ vững quan điểm của mình
- b) Quyền tự do phát biểu quan điểm

Cần lưu ý rằng trước khi bị bắt giam, hai luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân đang hành nghề luật sư. Với tư cách là luật sư, họ có vai trò và quyền hạn được qui định bởi các nguyên tắc cơ bản về vai trò của luật sư (Basic Principles on the Roles of Lawyer) do Hội nghị LHQ lần thứ 8 về phòng chống tội phạm và xử lý người phạm tội tổ chức tại Havana từ 27.8.1990 - 07 .09. 1990.

D. Lớp học Nhân quyền.

Trong kế hoạch phổ biến sự hiểu biết chung về cơ bản nhân quyền trên toàn thế giới, Cao Ủy LHQ về nhân quyền đã khuyến khích các quốc gia, tổ chức phi chính phủ và nhóm xã hội tổ chức những lớp học về nhân quyền. Đây là một chương trình toàn cầu mang tên “ Chương trình thế giới về giáo dục nhân quyền được LHQ thông qua trong Nghị Quyết số 59/113A ngày 10/12/2004. Với tư cách là thành viên của LHQ, Việt Nam lẽ ra phải thực hiện và bảo đảm việc thực hiện chương trình này.

Các buổi thảo luận tại Văn Phòng luật sư Thiên Ân được tổ chức trong khuôn khổ chương trình nói trên. Nội dung và tài liệu của những buổi thảo luận hầu hết chỉ liên quan đến vấn đề nhân quyền nói chung và vai trò của luật sư trong việc bảo vệ nhân quyền. Tôi xin nêu ra đây nội dung của tập tài liệu mà cơ quan điều tra tịch thu (xem bút lục từ số 610 – 635)

1. Mục đích chương trình tập huấn đưa ra những hiểu biết có hại về nhân quyền
2. Nhân phẩm, nền tảng của nhân quyền
3. Xây dựng một xã hội dân chủ làm nền tảng cho sự phát triển nhân lực và nhân tài cho Việt Nam
4. Đánh giá việc thực hiện dân chủ ở nước ta sau 20 năm đổi mới.
5. Chương trình huấn luyện luật sư nhân quyền.

Giảng dạy và thảo luận về nhân quyền, dân chủ không thể xem là chống nhà nước CHXHCNVN, càng không có lý do hoặc cơ sở pháp lý nào để bỏ tù những người đảm nhiệm công việc đó hoặc gán cho họ tội danh tuyên truyền chống nhà nước.

E. Yêu nước có phải là phạm tội không

Có thể luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân đã công khai bày tỏ quan điểm và ý kiến riêng trái ngược với quan điểm chính thống của nhà nước VN đang tuyên truyền và thích nghe nhưng không vì thế mà có thể nghi ngờ ý định và động cơ của họ. Cựu Thủ Tướng VO VAN KIET từng tuyên bố: “Chính kiến khác nhau, ý kiến khác nhau là bình thường, điều quan trọng là cần phải có đối thoại, nói chuyện với nhau một cách sòng phẳng (phỏng vấn của đài BBC ngày 17.4.2007) Ông cũng khẳng định “Tổ Quốc là của mình, dân tộc là của mình, quốc gia là của mình, Việt Nam là của mình chứ không phải là của riêng của người Cộng Sản hay của bất cứ tôn giáo hay phe phái nào cả.

Hai luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân là những người yêu nước và chỉ có yêu nước họ mới dũng cảm nói lên một cách công khai về hòa bình, quan điểm riêng của mình và tìm kiếm sự ủng hộ quan điểm ấy của những người Việt Nam yêu nước khác ngoài đảng Cộng sản. Hành động của họ cần được khuyến khích vì đã dám đứng lên bảo vệ niềm tin của mình.

F. Kết luận và đề nghị

Những lý lẽ trên, với tư cách là luật sư biện hộ cho hai đồng nghiệp là luật sư Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân, tôi kết luận rằng không có đạo luật hiện hành nào của VN tạo ra hoặc hội đủ cơ sở pháp lý để kết tội và kết án họ. Họ đương nhiên vô tội.

Tôi đề nghị Hội Đồng xét xử “tuyên bố trả tự do cho luật sư Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân, đồng thời trả lại tài sản cho họ.

Tôi xin chân thành cảm ơn Hội Đồng xét xử đã lắng nghe ý kiến của tôi (Chấm hết).

D. PHAN QUYẾT CỦA TOA PHỤC THẨM

Thẩm Phán Nguyễn minh Mẫn thay mặt Hội Đồng xét xử đã tuyên mức án mới đối với các bị cáo nhưng vẫn giữ nguyên mức án quản chế sau hạn tù giam.

Chủ tọa phiên tòa dẫn lý: “ **Không thể coi hành vi đó là đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền và nhân phẩm. hành vi của bị cáo trái Hiến Pháp, vi phạm luật hình sự nên không chấp nhận kháng cáo.**” của các bị cáo.

E. NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI VIỆT VE

- (1) . Lập luận của Luật sư biện hộ cho hai bị cáo Đài và Nhân trong bản kháng cáo đệ trình tòa phúc thẩm.
- (2) . Phán quyết của tòa phúc thẩm.

1. Luật sư biện hộ cho các bị can cần phải trình bày những gì trong bản kháng cáo đệ nộp tòa Phúc thẩm chống lại bản án của tòa sơ thẩm Hà Nội ?

Muốn biết luật sư biện hộ cho các bị can cần phải trình bày những gì để chống lại bản án của tòa sơ thẩm, trước hết cần định nghĩa từ ngữ ‘kháng cáo’

‘**Kháng cáo**’ là lời thỉnh cầu tòa phúc thẩm duyệt xét lại bản án của tòa dưới (tòa sơ thẩm), căn cứ vào những gì tòa dưới đã quyết định mà mình thấy là sai lầm về các sự kiện (on point of facts) và luật điểm (on point of law).

(The role of the Court of Appeal is to look into the decision of the lower court under attack to ascertain whether **the interpretation and application** of the law was correctly observed and **whether** that decision was allowed to stand.)

Như vậy, vai trò của tòa xử kháng cáo là *duyet xét bản án của tòa dưới bị chống đối* để biết chắc rằng việc **giải thích và áp dụng luật** có được tòa dưới tôn trọng không, và tòa Phúc Thẩm có nên cho phép tòa dưới giữ lại bản án đã xử không?

- (a) Tòa Phúc thẩm, khi duyệt xét phán quyết của tòa án nhân dân Hà Nội, ắt phải nhận thấy rằng Viện Kiểm sát **không** định nghĩa cho tội danh qui định tại điều 88 bộ hình luật 1999.
- b) Tòa Phúc thẩm ắt phải nhận thấy rằng bản cáo trạng của Viện Kiểm sát không hề truy tố các bị cáo Đài và Nhân về tội ‘Chống nhà nước CHXHCNVN’ hay bất cứ tội danh nào khác và cũng không áp dụng hình phạt cho các tội danh liên hệ này, nhưng tòa án Hà Nội vẫn đem nội vụ ra xét xử và kết án về một tội danh không đúng với tội danh do điều 88 bộ hình luật qui định.
- c) Tòa Phúc thẩm phải nhận thấy rằng tòa án nhân dân Hà Nội khi xử án không nghe lời biện hộ của luật sư bị cáo mà chỉ dựa vào tờ cáo trạng vô giá trị của Viện kiểm sát mà cáo trạng này không chứng minh được tội trạng của các bị cáo
- d) Tòa Phúc thẩm lẽ ra phải nhận thấy rằng phán quyết của tòa án Hà Nội về hình thức cũng như về nội dung không đáng được gọi là một bản án, và điều này có lẽ chỉ thấy xảy ra ở Việt Nam mà thôi.

Với những nhận xét trên, lẽ ra tòa phúc thẩm phải hủy bản án của tòa án nhân dân Hà Nội, truyền tha bổng cho các bị cáo, trái lại Tòa phúc thẩm đã đưa ra một phán quyết hết sức kỳ cục như sau : “ *Không thể coi hành vi đó là đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền và nhân phẩm, hành vi của bị cáo trái Hiến Pháp, vi phạm luật hình sự nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.*”

2. Nhận xét về phán quyết của Tòa Phúc thẩm.

(1) Tòa Phúc Thẩm đã xử dụng những ngôn từ khó được chấp nhận trong phán quyết của tòa án để chỉ những yếu tố vật chất của tội phạm như *'hành vi đó'* (hành vi đó là hành vi nào?) không thể được coi là đấu tranh cho dân chủ (tại sao hành vi đó lại không được coi là đấu tranh cho dân chủ? Theo ý tòa phúc thẩm thì hành vi nào mới được coi là đấu tranh cho dân chủ?), vi phạm hình luật (vi phạm điều nào của bộ luật hình? tại sao hành vi đó lại được tòa phúc thẩm cho là vi phạm luật hình? Trái hiến pháp, trái điều nào của bản hiến pháp?)

(2) Phán quyết như trên của tòa phúc thẩm được các tòa án trên thế giới cho là thiếu lý do. Một bản án thiếu lý do là một bản án vô hiệu!

Tại sao các hệ thống pháp luật trên thế giới lại đòi hỏi quyết định của tòa án phải nêu rõ lý do? Điều này được giải thích như sau: “ *Trừ phi người công dân tìm ra được lý do dẫn đến phán quyết của tòa, người công dân sẽ không thể quyết định nên hay không nên đưa nội vụ lên tòa trên để xin tái thẩm hay phá án, và như vậy, người công dân được xem như không được luật pháp bảo vệ.* (Unless the citizen can discover the reasoning behind the decision, he may be unable to tell whether it is reviewable or not, and so he may be deprived of the protection of the law.)

(3) Phán quyết còn cho thấy tòa phúc thẩm không hiểu rõ nhiệm vụ của mình trong vai trò của một tòa xử kháng cáo Người ta có thể tìm hiểu nhiệm vụ của Tòa phúc thẩm hay Tòa xử kháng cáo (Court of Appeal) qua định nghĩa sau: “ *Vai trò của Tòa Phúc thẩm hay tòa xử kháng cáo đối với bản án của tòa dưới là: duyệt xét bản án của tòa dưới bị chống đối, để biết chắc rằng việc giải thích và áp dụng luật có được tòa dưới tôn trọng hay không và tòa phúc thẩm nên hay không nên cho phép tòa dưới giữ lại quyết định ấy*”

(The role of the Court of Appeal is to look into the lower court's decision under attack to ascertain **whether the interpretation and application** of the law was correctly observed and whether that decision was allowed to stand.)
Tòa phúc thẩm xử vụ Nguyễn Văn Đài & và Lê Thị Công Nhân đã không hành xử nhiệm vụ đúng theo chức năng của mình trong vai trò của một tòa xử kháng cáo.

a) Không duyệt xét xem Tòa án nhân dân Hà Nội có tôn trọng việc giải thích và áp dụng điều 88 khoản 1 cho tội ‘Chống Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam’ hay không?

b) Thay vì phải duyệt xét xem bản án của tòa sơ thẩm Hà Nội có giải thích và áp dụng đúng dẫn điều 88 bộ luật hình sự bằng cách đối chiếu những yếu tố vật chất và tinh thần tìm thấy trong cáo trạng của Công tố viên với lập luận chỉ trích bản án sơ thẩm của luật sư Lê Công Định, để từ đó rút ra kết luận bên nào đã giải thích và áp dụng đúng luật, tòa phúc thẩm đã dựa vào bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân, một bản cáo trạng vô giá trị vì thiếu sót định nghĩa tội trạng, không giải thích các yếu tố vật chất nằm trong các tội trạng, qui kết sai lầm về tội danh gán cho các bị cáo để khẳng định rằng ‘tòa không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo’ bằng một văn thư mà trong văn thư, tòa cũng không đưa ra được lý do chính đáng nào để hậu thuẫn cho phán quyết.

(5) Tòa phúc thẩm chỉ một mực căn cứ vào phán quyết sai lầm của Tòa án nhân dân Hà Nội để cho rằng hành vi các bị can trái Hiến Pháp, vi phạm luật hình sự. Việc xét xử của tòa phúc thẩm cũng không tôn trọng nguyên tắc ‘tòa án phải lắng nghe lời trình bày của đôi bên’ (audi alteram partem), bản án của tòa có thể bị phá ở Tòa An Nhân Dân Tối Cao

(6) Với sự hành xử thẩm quyền như vậy, người ta quan ngại về khả năng chuyên môn cũng như sự ngay thẳng (the competence and integrity) của thành phần xử án tại các tòa án Việt Nam hiện nay, dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Với một tòa án cao cấp gồm thành phần thẩm phán có ngạch trật cao trong nước mà dường như không hiểu rõ những vấn đề pháp lý cơ bản của thủ tục xét xử, thì làm sao người dân có thể trông đợi nơi các thẩm phán cấp thấp như Huyện, Tỉnh một sự xét xử công bình và vô tư được?

Đến đây, người viết chợt nhớ tới một vụ án dân sự xảy ra ở tỉnh Thái Bình ngoài Bắc dưới thời vua Minh Mạng. gần 200 năm về trước. Ngày nay, bản án đã trở thành một giai thoại trong văn chương Việt Nam. Vào thời điểm đó, các ông Phủ, Huyện, An sát, ngoài trách nhiệm cai trị, còn kiêm nhiệm cả công việc xử án trong quán hạt của mình.

Một hôm, ông Lưu Nghi, Tri Huyện Thanh Quan (nay là Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) đi vắng. Có một thôn nữ tên Nguyễn thị Đào đến Huyện nộp đơn, trong đơn kể lể rằng cô bị chồng ruồng bỏ, xin quan Huyện cho phép được ly dị, lấy chồng khác. Cảm thương cho thân phận cô thôn nữ, Bà Huyện Thanh Quan liền phê vào đơn 4 câu thơ sau đây:

*Phó cho con Nguyễn thị Đào
Nước trong leo lẻo, cấm sào đợi ai ?
Chữ rằng : “Xuân bắt tái lai”
Cho về kiếm chút, kéo mai nữa già!*

Người chồng cô thôn nữ kiện lên quan trên, ông Huyện Thanh Quan bị triều đình cách chức.

Ngày nay, gần 200 năm sau, với cả một hệ thống pháp lý đồ sộ gồm cảnh sát, công an, Viện Kiểm sát nhân dân và Hội Đồng xét xử ở cấp sơ thẩm gồm Thẩm Phán và Hội thẩm Nhân Dân, cấp phúc thẩm gồm Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử. Cả guồng máy công lý này đều có trách nhiệm giải quyết vụ Nguyễn văn Đài và Lê thị Công Nhân bị cáo về tội ‘Chống nhà nước CHXHCNVN’. Sau nhiều tháng trời làm việc, cả khối nhân sự như vậy mà chỉ cho ra đời được một phán quyết không đầu, không đuôi như: “*Không thể coi đó là hành vi đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền và nhân phẩm. Hành vi của bị cáo trái Hiến Pháp, vi phạm luật hình sự nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.*”!

Với hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm như vậy mà những người có trách nhiệm phải giải quyết vụ án vẫn được ngang nhiên tự tại, tiếp tục nhiệm vụ bỏ tù người vô tội thì thử hỏi người dân trong nước cũng như ngoại quốc sẽ nghĩ thế nào về cái gọi là nền công lý của nước CHXHCNVN ?

III. KẾT LUẬN

Đọc xong phần trình bày trên của người viết, liệu quý độc giả có còn tin tưởng rằng chỉ cần hủy bỏ điều 88 bộ luật hình sự là có thể giải trừ được sự sợ hãi thường trực, vẫn hồi được quyền tự do ngôn luận của người dân hay không? Người viết không tin như vậy, khi mà quá nhiều khuyết điểm còn thấy tiềm ẩn trong hệ thống pháp luật của nước CHXHCNVN.

Người Pháp có câu: “*Những định chế chỉ tốt đẹp, nếu những người phục vụ định chế có khả năng và tinh thần trách nhiệm*” (Les institutions valent ce que valent les hommes).

Định chế pháp lý của nước CHXHCNVN có tốt đẹp hay không và những người phục vụ định chế có khả năng và tinh thần trách nhiệm hay không? xin để quý độc giả đưa ra câu trả lời thỏa đáng.

Riêng về phương diện xét xử, người Pháp có một nhận xét hữu lý như sau: “*Khi chính trị bước vào Pháp Đình thì công lý đội mũ ra đi*” (Quand la politique entre dans la salle du tribunal, la justice s’en sort)

Tại các tòa án Việt Nam hiện nay, chính trị không phải chỉ bước chân vào Pháp Đình vào ngày mở phiên tòa. Trên thực tế, chính trị trường kỳ mai phục ngày đêm trong sinh hoạt của tòa án, bởi lẽ, tất cả những người thủ giữ vai trò kiểm sát và xét xử đều là những cán bộ, những người có đảng tịch Công Sản, mà nhiệm vụ chính của họ trung thành với đường lối của Đảng, phục vụ pháp luật của Đảng chứ không trung thành với tổ quốc, phục vụ tổ quốc, phục vụ cho pháp luật của quốc gia. Như vậy thì làm sao các phán quyết của tòa án có thể có tính cách khách quan cho được ?

Tóm lại, để có được một nền công lý lương hảo, định chế pháp lý của nước CHXHCNVN cần phải có những điều kiện tối thiểu sau:

- . một đội ngũ luật sư và thẩm phán có đầy đủ khả năng, tư cách và tinh thần trách nhiệm;
- . các thẩm phán phải được bảo đảm tuyệt đối về tính cách độc lập khi thi hành nhiệm vụ xử đoán;
- . các thẩm phán không được tham gia bất kỳ đảng phái nào;
- . các thẩm phán phải tuyên thệ trung thành với tổ quốc Việt Nam và chỉ xét xử theo lương tâm và luật pháp.

Hội đủ cả bốn điều kiện trên thì lời tuyên bố của ông Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ, được ghi chú ở Phần I, Mục A bài viết mới thực sự có ý nghĩa. Xin lập lại lời tuyên bố ấy như sau:

“*Thà sống dưới chế độ pháp luật của nước Nga (Cộng sản) nhưng được áp dụng luật thủ tục tố tụng của Anh - Mỹ (tục lệ pháp) còn hơn là sống dưới chế độ của Anh - Mỹ nhưng lại áp dụng luật thủ tục tố tụng của nước Nga.*”!
(It might be preferable to live under Russian law applied by Common – law procedure than under the Common law enforced by Russian procedure.[Shauglenessy v. United States, 345 US 206 (1953) (Jackson J)])

Xin chấm dứt bài viết nơi đây. Người viết xin chân thành cảm tạ quý. độc giả đã mất công theo dõi một vấn đề pháp lý khô khan và buồn tẻ này./.

